

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Tên ngành: Phát triển nông thôn

Mã ngành: 60620116

1	Tên ngành đào tạo (Tiếng Việt và Anh)	Phát triển nông thôn Rural Development
2	Mã ngành	60620116
3	Đơn vị quản lý (ghi Bộ môn và Khoa)	Bộ Môn Kinh tế - Xã hội và Chính sách, Viện Nghiên cứu Phát triển Đồng bằng Sông Cửu Long
4	Các ngành dự thi	
4.1	Ngành đúng, phù hợp (không học bổ sung kiến thức)	Phát triển nông thôn
4.2	Ngành gần (học bổ sung kiến thức)	Khuyến nông, Nông học, Khoa học cây trồng, Chăn nuôi, Bảo vệ thực vật, Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan, Kinh doanh nông nghiệp, Kinh tế nông nghiệp.
5	Mục tiêu (viết thành đoạn văn, lưu ý chương trình theo định hướng nào?)	Chương trình đào tạo ngành Phát triển nông thôn (PTNT) đào tạo thạc sĩ PTNT theo định hướng nghiên cứu, nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực phát triển nông thôn cả về nghiên cứu, quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình, dự án và chuyển giao khoa học kỹ thuật, góp phần phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững ở địa phương và cấp độ vùng.
6	Chuẩn đầu ra (LO) (từ LO)	
6.1	Kiến thức	
	LO.1	Các lý thuyết, nguyên lý về hệ thống, kinh tế, xã hội, chính sách phát triển và các kiến thức nâng cao khác để đánh giá tình hình kinh tế - xã hội nông thôn, phân tích các chính sách và nhân tố ảnh hưởng đến hiện trạng xã hội;
	LO.2	Có kiến thức về nguyên lý phát triển và các quy luật biến đổi về lãnh vực kinh tế, xã hội trong nông nghiệp nông thôn từ đó xác định được định hướng, chiến lược phát triển ở địa phương và phạm vi vùng;
	LO.3	Có kiến thức về phương pháp nghiên cứu, sử dụng các công cụ trong tiếp cận, đánh giá, quản lý các dự án phát triển nông nghiệp nông thôn tại địa phương và vùng.
6.2	Kỹ năng	
	LO.4	Phân tích chính sách nông nghiệp, xây dựng kế hoạch, vận hành và kiểm soát các hoạt động trong lĩnh vực phát triển nông thôn
	LO.5	Dự báo tình hình phát triển kinh tế-xã hội, nông nghiệp và nông thôn; tổ chức thực hiện các chương trình, dự án phát triển có hiệu quả, đảm bảo tính bền vững
	LO.6	Nghiên cứu tìm ra các giải pháp tác động vào cộng đồng góp phần nâng cao đời sống và phát triển năng lực của cộng đồng ở nông thôn
	LO.7	Kỹ năng làm việc nhóm, cộng đồng, phương pháp làm việc khoa học và độc lập; kỹ năng nghiên cứu, viết và trình bày báo cáo khoa học

2

	LO.8	Giao tiếp thông dụng bằng tiếng Anh hoặc tiếng Pháp. Đọc và hiểu các tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh hoặc tiếng Pháp
6.3	Ngoại ngữ trước khi bảo vệ luận văn	<i>Học viên tự học đạt chứng nhận B1 (bậc 3/6) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương (Phụ lục II, Thông tư 15 ngày 15/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).</i>
6.4	Thái độ; Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
	LO.9	Học viên có thái độ tôn trọng sự thật khách quan, bản chất của vấn đề trong phát triển nông thôn;
	LO.10	Học viên có thái độ khiêm tốn, năng động, tham gia, hòa nhập với cộng đồng địa phương
7	Cấu trúc chương trình đào tạo	- Triết học: 4 tín chỉ - Kiến thức chung: 3 tín chỉ - Kiến thức cơ sở: 12 tín chỉ - Kiến thức chuyên ngành: 32 tín chỉ - Luận văn tốt nghiệp: 10 tín chỉ
8	Học phần bổ sung kiến thức cho các ngành gần	Số học phần: 03 ; tổng tín chỉ: 10 - Tên các học phần (tên, mã số HP, số tín chỉ) 1) Kinh tế phát triển nông thôn, PD327: 3TC 2) Thống kê ứng dụng trong PTNT, PD121: 4TC 3) Phân tích chuỗi cung ứng và chuỗi giá trị sản phẩm, PD321: 3TC

2

Chương trình đào tạo chi tiết
Tổng số tín chỉ: 61TC
Thời gian đào tạo: 2 năm

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiền quyết	HK thực hiện
Phần kiến thức chung									
1	ML605	Triết học	4	x		60			I,II
2	PD602	Phương pháp nghiên cứu	3	x		30	30		I,II
3		Ngoại ngữ	Học viên tự học đạt chứng nhận B1 (bậc 3/6) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương (Phụ lục II, Thông tư 15 ngày 15/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).						
Phần kiến thức cơ sở									
4	PD601	Nguyên lý phát triển nông thôn	2	x		20	20		I,II
5	PD606	Phân tích chính sách phát triển NN-NT	3	x		30	30		I,II
6	PDP601	Kinh tế nông nghiệp ứng dụng và quản trị trang trại	3	x		30	30		I,II
7	PDP602	Giới, nghèo đói và công bằng xã hội trong nông thôn	2		x	20	20		I,II
8	PDP603	Phát triển nguồn nhân lực	2		x	20	20		I,II
9	PD613	Luật và thể chế trong nông thôn	2		x	30			I,II
10	PDP604	Hành chính công và phát triển vùng	2		x	30			I,II
11	PD601	Nguyên lý phát triển nông thôn	2	x		20	20		I,II
Cộng: 12TC (Bắt buộc: 8TC; Tự chọn: 4TC)									
Phần kiến thức chuyên ngành									
12	PD605	Xã hội học nông thôn	3	x		30	30		I,II
13	PDP607	Kinh tế tài nguyên và môi trường nông thôn	3	x		30	30		I,II
14	PD619	Phân tích hệ thống chuỗi giá trị nông sản	3	x		30	30		I,II
15	PDP609	Quản lý đất và nước nông nghiệp	2	x		30			I,II
16	PDP610	Phát triển nông nghiệp bền vững và ANLT	3	x		30	30		I,II
17	PDP612	Thực hành	3	x		5	80		I,II
18	PDP605	Đánh giá tổn thương và nâng cao sinh kế	3	x		30	30		I,II
19	PD607	Phát triển cộng đồng nông thôn	2		x	20	20		I,II
20	PD623	Quản lý dự án nông nghiệp	2		x	20	20		I,II
21	PDP606	Phân tích định chế	2		x	20	20		I,II
22	PD616	Định cư nông thôn	2		x	20	20		I,II
23	PD615	Tham gia và lãnh đạo	2		x	30			I,II
24	PD617	Quản lý kinh doanh nông nghiệp	2		x	20	20		I,II
25	PD618	Tài chính và tín dụng nông thôn	2		x	30			I,II
26	PD624	Thương mại quốc tế	2		x	30			I,II
27	PDP608	Phân tích chi phí - lợi ích	2		x	30			I,II
28	PDP611	Sinh thái và môi trường	2		x	30			I,II
29	PD604	Phân tích hệ thống nông nghiệp	2		x	20	20		I,II
30	PD610	Quản lý tài nguyên thiên nhiên	2		x	20	20		I,II
Cộng: 32TC (Bắt buộc: 20TC; Tự chọn: 12TC)									

2

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	HK thực hiện
Phân luận văn tốt nghiệp									
31	PDP900	Luận văn tốt nghiệp	10	x					I,II
		Tổng cộng	61	45	16				

Cần Thơ, ngày 10 tháng 10 năm 2015

BAN GIÁM HIỆU
P.HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thanh Phương

HỘI ĐỒNG KH-ĐT
CHỦ TỊCH

Lê Việt Dũng

VIỆN NCPT ĐBSCL
VIỆN TRƯỞNG

Nguyễn Văn Sánh